

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 382/2026/DS-PT
Ngày: 26-3-2026
V/v tranh chấp hợp đồng xây dựng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Nga

Các Thẩm phán: Bà Trịnh Thị Phúc

Bà Lê Thị Bích Tuyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Ôn Tú Trân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tho - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 1042/2025/TLPT-DS ngày 24/12/2025 về “Tranh chấp hợp đồng xây dựng”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 135/2025/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 35/2026/QĐ-PT ngày 30 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 129/2026/QĐ-PT ngày 11 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Kim S, sinh năm 1981;

Địa chỉ: ấp B, xã Đ, tỉnh Tây Ninh.

2. Bị đơn: ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1986;

Địa chỉ: ấp B, xã Đ, tỉnh Tây Ninh.

3. Người làm chứng: ông Nguyễn Quốc C, sinh năm 1978;

Địa chỉ: ấp B, xã Đ, tỉnh Tây Ninh.

4. Người kháng cáo: nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim S

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 17 tháng 12 năm 2024 và các văn bản trong quá trình tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim S trình bày:

Vào ngày 28/3/2022 và ngày 08/4/2022, bà và ông Nguyễn Văn H có hợp đồng xây dựng cầu tại Ấp B, xã B, huyện Đ, tỉnh Long An thửa đất số 1075, tờ bản

đồ số 7 với số tiền 350.000.000 đồng, bà đã đưa tiền cọc 50.000.000 đồng, thời hạn hoàn thành là 01 tháng kể từ ngày 08/4/2022.

Từ khi hết thời hạn theo hợp đồng đến nay bà nhắc nhở, yêu cầu ông H thực hiện nhiều lần nhưng ông H không thực hiện. Ông H nhận của bà 5 đồng tiền cọc để làm cầu nhưng ông H không tiến hành xây dựng cầu và cũng không trả lại tiền cọc cho bà.

Bà khởi kiện yêu cầu ông H phải trả cho bà 50.000.000 đồng tiền cọc đã nhận và bồi thường cho bà 100.000.000 đồng, tổng cộng là 150.000.000 đồng, do ông H vi phạm hợp đồng không xây dựng cầu cho bà đúng thời gian quy định, ông H không xin giấy phép, thiếu trách nhiệm dẫn đến kéo dài sự việc.

Hiện nay bà đã xin được giấy phép xây dựng là Công văn 1126, vì vậy yêu cầu ông H tiếp tục xây dựng theo bản vẽ có xác nhận của Phòng Kinh tế hạ tầng huyện Đ do bản vẽ trước đây của ông H không đúng quy định, thì bà sẽ rút đơn khởi kiện. Nếu ông H không đồng ý thì bà yêu cầu giải quyết theo đơn khởi kiện của bà. Bà không yêu cầu định giá cây cầu ông H đang xây dựng dở dang, yêu cầu giải quyết theo pháp luật, không yêu cầu xử lý hợp đồng vô hiệu.

Số tiền 50.000.000 đồng ông Nguyễn Quốc C đưa, bà có nhận nhưng không biết tiền gì nên bà nghĩ là tiền ông C cho bà vay vì bà không nhận tiền trực tiếp từ ông H.

Bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:

Trước đây ông và bà S có thỏa thuận xây dựng cây cầu tại Ấp B, xã B, huyện Đ, tỉnh Long An thuộc thửa đất số 1075, tờ bản đồ số 7 với số tiền 350.000.000 đồng, bà S đã đưa tiền cọc 50.000.000 đồng, thời hạn hoàn thành là 01 tháng kể từ ngày 08/4/2022.

Ông đã tiến hành đang xây dựng cầu cho bà S, chi phí ông bỏ ra đã hơn 50.000.000 đồng, nhưng do cơ quan nhà nước chưa cấp giấy phép xây dựng nên ông bị tạm đình chỉ ngưng xây dựng, chờ giấy phép xây dựng sẽ tiếp tục thực hiện. Bà S là chủ đất nên phải có trách nhiệm xin giấy phép xây dựng chứ không phải ông. Do đó mới tạm ngưng đến nay.

Bà S cho rằng, bà S đã xin được giấy phép xây dựng cầu và yêu cầu ông tiếp tục xây cầu cho bà, ông không thống nhất vì công văn đó không phải giấy phép và đồng thời bản vẽ mới bà S đưa ra có kết cấu lớn hơn bản vẽ trước đây hai bên đã thỏa thuận.

Ông không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim S, vì số tiền 50.000.000 đồng ông đã nhờ ông Nguyễn Quốc C trả cho bà S xong sau khi bị đình chỉ xây dựng vài tháng, nhưng do đã lâu ông không nhớ rõ thời gian. Ông không còn nợ bà S. Ông tự nguyện nhỏ các cây trụ cầu đã đóng mang về, số tiền đã xây dựng cầu dở dang, ông không yêu cầu trong vụ án này. Ông yêu cầu giải quyết theo pháp luật, không yêu cầu xử lý hợp đồng vô hiệu.

Người làm chứng ông Nguyễn Quốc C trình bày: do bà S liên tục đòi lại số tiền cọc do chậm xây cầu, nên sau vài tháng sau khi bị đình chỉ xây dựng, ông H đã nhờ ông trả số tiền 50.000.000 đồng cho bà S. Ông đã đưa cho bà S xong, bà S cho rằng

không biết số tiền ông giao bà S là không đúng. Ông không có bất kỳ giao dịch nào khác có liên quan đến số tiền 50.000.000 đồng.

Vụ án được Tòa án cấp sơ thẩm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và do đương sự không yêu cầu hòa giải nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 135/2025/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Tây Ninh đã căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 264 và 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các Điều 122, 123, 129, 357, 388, 407 và 408 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 141 Luật xây dựng năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim S khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng xây dựng” đối với bị đơn ông Nguyễn Văn H về việc yêu cầu ông H phải trả cho bà S 50.000.000 đồng tiền cọc đã nhận và bồi thường cho bà 100.000.000 đồng, tổng cộng 150.000.000 đồng.

2. Tuyên bố giao dịch dân sự về việc xây dựng cầu theo biên nhận làm cầu thi công công trình ngày 28/3/2022 và Hợp đồng làm cầu ngày 08/4/2022 giữa bà Nguyễn Thị Kim S với ông Nguyễn Văn H vô hiệu.

3. Về chi phí tố tụng: buộc bà Nguyễn Thị Kim S phải chịu 7.600.000 đồng (bảy triệu, sáu trăm nghìn đồng) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản; số tiền chi phí tố tụng này ông Nguyễn Văn H đã nộp tạm ứng và chi phí xong, buộc bà Nguyễn Thị Kim S phải nộp trả lại cho ông Nguyễn Văn H 7.600.000 đồng (bảy triệu, sáu trăm nghìn đồng) khi án có hiệu lực pháp luật.

4. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Kim S phải chịu 7.500.000 đồng (bảy triệu, năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm; được khấu trừ 3.750.000 đồng (ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, theo biên lai thu số 0004981 ngày 04-3-2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 - Tây Ninh), bà S phải nộp thêm 3.750.000 đồng (ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền, thời hạn kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 13/10/2025, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim S làm đơn kháng cáo không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim S không rút đơn khởi kiện và đơn kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà S, buộc ông H bồi thường cho bà S số tiền 50.000.000 đồng và bồi thường cho bà S 100.000.000 đồng, tổng cộng là 150.000.000 đồng, bà S cho rằng, bà S không có nhận của ông C 50.000.000 đồng do ông H hoàn trả, giữa bà S và ông C có giao dịch riêng, bà S phải bồi thường cho người khác do không chuyển nhượng được quyền sử dụng đất cho họ, xuất phát từ nguyên nhân do ông H không thực hiện việc xây dựng

cầu đúng thời hạn, vì vậy ông H phải có trách nhiệm bồi thường số tiền này cho bà S.

Bị đơn ông Nguyễn Văn H cùng người làm chứng là ông Nguyễn Quốc C vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc chấp hành pháp luật trong giai đoạn xét xử phúc thẩm cho rằng: Toà án cấp phúc thẩm và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim S trong thời hạn luật định, đủ điều kiện để xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Xét yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim S thấy rằng:

Về việc xác định tư cách tham gia tố tụng của các đương sự: bà S yêu cầu ông H thanh toán số tiền 50.000.000 đồng, ông H cho rằng, việc xây dựng cầu giữa bà S và ông H không thực hiện do không có giấy phép xây dựng nên ông H đã đưa cho ông C số tiền 50.000.000 đồng trước đây bà S đặt cọc cho ông H để trả lại cho bà S. Trong vụ án này cần xác định ông C tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan quy định tại khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa đổi bổ sung năm 2025.

Xét thấy, giữa bà S và ông H có lập biên nhận và hợp đồng xây dựng cầu, bà S có giao trước 50.000.000 đồng tiền cọc và giao kết thời hạn hoàn thành là 01 tháng kể từ ngày 08/4/2022, đây là nội dung các bên thống nhất.

Việc thi công cầu bị đình chỉ do công trình chưa có giấy phép xây dựng theo quy định. Theo quy định tại Điều 89 Luật Xây dựng năm 2014 thì trước khi khởi công xây dựng công trình, chủ đầu tư phải có giấy phép xây dựng do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp theo quy định. Do bà S chưa thực hiện đầy đủ thủ tục xin phép, đây không phải lỗi của ông H.

Theo Công văn số 1126/UBND-KTHT&ĐT ngày 28/3/2025 của Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An chỉ là văn bản thống nhất chủ trương cho xây dựng cầu, không phải giấy phép xây dựng, nên không có căn cứ buộc ông H tiếp tục thi công.

Mặt khác, bà S thừa nhận đã nhận số tiền 50.000.000 đồng do ông Nguyễn Quốc C giao, phù hợp với lời khai của ông H và ông C xác định đây là tiền ông H hoàn trả tiền cọc, bà S không cung cấp được chứng cứ chứng minh đây là khoản vay và không chứng minh được bà S bị thiệt hại, tổn thất, nên việc buộc ông H phải bồi thường số tiền 100.000.000 đồng là không có cơ sở.

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim S, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim S được thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 272, 273 và 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: bị đơn ông Nguyễn Văn H, người làm chứng ông Nguyễn Quốc C vắng mặt, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ

hai. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông H và ông C.

[3] Về phạm vi khởi kiện và xác định tư cách tham gia tố tụng của các đương sự:

[3.1] Theo hai giấy tay ngày 28/3/2022 và ngày 08/4/2022 thì ông Nguyễn Văn H có thỏa thuận với bà Nguyễn Thị Kim S thi công cầu dân sinh trong thời hạn 1 tháng với tổng giá trị là 350.000.000 đồng, thời hạn thi công từ ngày 28/02/2022 có gia hạn 7 ngày, đến ngày 28/3/2022 thì hết hạn hợp đồng, nếu ông H không thực hiện phải chịu trách nhiệm bồi thường, sau đó thời gian xây dựng gia hạn đến ngày 28/4/2022. Bà S cho rằng, ông H hoàn toàn có lỗi trong việc không thực hiện xây dựng cầu nên có trách nhiệm trả cho bà S số tiền cọc đã nhận là 50.000.000 đồng và bồi thường 100.000.000 đồng. Bà S và ông H trình bày thống nhất, số tiền bà S giao cho ông H 50.000.000 đồng là tiền đặt cọc, bà S yêu cầu ông H bồi thường 100.000.000 đồng, bà S và ông H không tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng cây cầu, không có bên nào yêu cầu vô hiệu hợp đồng, vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp về hợp đồng xây dựng và giải quyết vô hiệu hợp đồng xây dựng là vượt quá yêu cầu khởi kiện của các đương sự. Tuy nhiên các bên đương sự không có ý kiến về vấn đề này, thực tế hợp đồng thi công xây dựng cầu vi phạm điều kiện về giấy phép xây dựng theo Điều 89 Luật Xây dựng nên vô hiệu, ông H cũng trình bày tự nguyện tháo dỡ các phần vật kiến trúc không có tranh chấp, nên không cần phải hủy bản án sơ thẩm về tuyên vô hiệu hợp đồng xây dựng.

[3.2] Ông Nguyễn Quốc C là người trực tiếp nhận số tiền 50.000.000 đồng là đối tượng tranh chấp trong vụ án, là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông C là người làm chứng là không đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim S về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn H trả số tiền 50.000.000 đồng và bồi thường thiệt hại 100.000.000 đồng thấy rằng:

[4.1] Theo hai giấy tay ngày 28/3/2022 và ngày 08/4/2022, giữa bà S và ông H có thỏa thuận xây dựng cầu dân sinh, bà S đã giao cho ông H số tiền 50.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, việc thi công công trình bị đình chỉ do chưa có giấy phép xây dựng nên các bên phát sinh tranh chấp. Ông H trình bày đã nhờ ông Nguyễn Quốc C giao lại cho bà S số tiền 50.000.000 đồng; ông C cũng xác nhận đã trực tiếp giao số tiền này cho bà S. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà S trình bày thừa nhận có nhận của ông H số tiền 50.000.000 đồng từ ông C, nhưng cho rằng không rõ mục đích khoản tiền. Tuy nhiên, bà S không đưa ra được chứng cứ chứng minh giữa bà và ông C có quan hệ vay mượn hoặc giao dịch dân sự nào khác liên quan đến số tiền này. Xét thấy, lời khai của ông H và ông C thống nhất, phù hợp với diễn biến sự việc khi công trình bị đình chỉ và bà S nhiều lần yêu cầu hoàn trả tiền. Bà S không chứng minh được việc nhận tiền với mục đích khác, nên có cơ sở xác định đây là khoản tiền ông H đã hoàn trả tiền cọc.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm kết luận ông H đã trả xong số tiền 50.000.000 đồng cho bà S và không còn nghĩa vụ thanh toán là có căn cứ, đúng pháp luật. Kháng cáo của bà S về nội dung này không có cơ sở chấp nhận.

[4.2] Về yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền 100.000.000 đồng:

Theo xác nhận của Phòng Kinh tế xã Đ thì việc xây dựng cầu dân sinh phải có giấy phép xây dựng, Công văn số 1126/UBND-KTHT&ĐT ngày 28/3/2025 chỉ là văn bản thống nhất chủ trương cho xây dựng, không phải là giấy phép, vì vậy việc xây dựng cầu chưa đủ điều kiện xây dựng. Trong hai giấy tay được giao kết giữa bà S và ông H không có thỏa thuận cụ thể trách nhiệm xin giấy phép xây dựng, trong khi Điều 89 Luật Xây dựng quy định trách nhiệm xin giấy phép thuộc về chủ đầu tư, giấy tay cũng ghi rõ: “*Bên bà S cũng hỗ trợ hết mình đi gặp địa chính xã, Phó Chủ tịch xã, đồng ý làm cầu qua sông cho ông H bắc cầu đúng tiến độ*”. Như vậy việc xin giấy phép không có sự thỏa thuận phải do ông H thực hiện, ông H không có lỗi dẫn đến việc chậm thi công nên không có trách nhiệm phải bồi thường hoặc bị phạt cọc.

[5] Trong quá trình kháng cáo, phía nguyên đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào mới có giá trị làm thay đổi bản chất của vụ án cũng như không chứng minh được việc Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án là không đúng pháp luật nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

[6] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn là có cơ sở và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: nguyên đơn kháng cáo không được chấp nhận phải chịu án phí theo Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim S.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 135/2025/DS-ST ngày 30/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Tây Ninh.

Căn cứ vào Điều 26, 37, 39, 147, 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 122, 123, 129, 328, 584 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 89, 141 Luật xây dựng năm 2014; Điều 26, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim S khởi kiện “tranh chấp hợp đồng xây dựng” đối với bị đơn ông Nguyễn Văn H về việc yêu cầu ông H phải trả cho bà S 50.000.000 đồng tiền cọc đã nhận và bồi thường cho bà 100.000.000 đồng, tổng cộng 150.000.000 đồng.

2. Tuyên bố giao dịch dân sự về việc xây dựng cầu theo biên nhận làm cầu thi công công trình ngày 28/3/2022 và Hợp đồng làm cầu ngày 08/4/2022 giữa bà Nguyễn Thị Kim S với ông Nguyễn Văn H vô hiệu.

3. Về chi phí tố tụng: buộc bà Nguyễn Thị Kim S phải chịu 7.600.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản; số tiền chi phí tố tụng này ông Nguyễn Văn H đã nộp tạm ứng và chi phí xong, buộc bà Nguyễn Thị Kim S phải nộp trả lại cho ông Nguyễn Văn H 7.600.000 đồng.

4. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Kim S phải chịu 7.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.750.000 đồng theo biên lai thu số 0004981 ngày 04/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 - Tây Ninh), bà S phải nộp tiếp 3.750.000 đồng.

Về án phí dân sự phúc thẩm: bà S phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số 0007646 ngày 15/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh. Bà S đã nộp đủ án phí.

5. Về hướng dẫn thi hành án dân sự:

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND khu vực 2 - Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Kim Nga